

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ánh Tuyết và bà Trần Thị Thúy Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 681/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M (tên gọi khác: G), sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 540/30/26 đường H, tổ 4, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Khắc V (tên gọi khác: T), sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 540/30/26 đường H, tổ 4, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22-9-2017 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Khắc V xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vào sổ đăng ký số: 08/2006, ngày 16-01-2006.

Thời gian đầu của hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vì anh V hay nghe lời gia đình nên đã xúc phạm và đánh đập chị M nhiều lần. Hiện nay chị M không còn tình cảm với anh V nữa nên chị xin được ly hôn anh Lê Khắc V.

Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Khắc V có 02 con chung là Lê Nguyễn Hà N, sinh ngày 28-6-2000 và Lê Nguyễn Khả H, sinh ngày 18-06-2006. Ly hôn, chị M xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con đến thành niên, yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Bị đơn là anh Lê Khắc V trình bày tại bản tự khai như sau: Anh V và chị M tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố P vào ngày 16/01/2006. Từ khi chung sống vợ chồng đến nay anh V và chị M không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh V luôn quan tâm, động viên và chia sẻ với vợ và con, không làm ảnh hưởng đến hàng xóm; các con rất ngoan và lễ phép. Anh V vẫn luôn yêu thương vợ và các con, làm tròn trách nhiệm đối với gia đình. Hiện nay tình trạng hôn nhân của anh V và chị M không có mâu thuẫn trầm trọng nên anh V không đồng ý ly hôn mà muốn níu kéo hạnh phúc vợ chồng để nuôi dạy con chung trưởng thành. Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung và chia tài sản chung.

Tại phiên tòa, chị M trình bày: Thống nhất với lời khai của chị M đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh Lê Khắc V và xin được trực tiếp nuôi 01 con chung là Lê Nguyễn Khả H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con; đối với con Lê Nguyễn Khả N đã gần đủ 18 tuổi rồi và có nguyện vọng ở với anh V nên chị M đồng ý.

Tại phiên tòa, anh Lê Khắc V trình bày: Anh V và chị Nguyễn Thị M tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vào sổ đăng ký số: 08/2006, ngày 16-01-2006.

Từ khi trước đến nay anh V và chị M chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống có lời qua tiếng lại nhưng không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay anh V vẫn yêu thương chị M và các con nên anh không đồng ý ly hôn mà vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình và phát triển khối tài sản chung hiện có.

Anh Lê Khắc V và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là Lê Nguyễn Hà N, sinh ngày 28-6-2000 và Lê Nguyễn Khả H, sinh ngày 18-06-2006.

Anh V yêu cầu Tòa án xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

-Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn thường trú tại thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử.

-Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

-Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng có đến tham gia phiên tòa lần thứ hai.

-Về nội dung: Qua lời trình bày của bị đơn là anh Lê Khắc V tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản xác minh tại tổ dân phố thì thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh Lê Khắc V và giải quyết nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Bị đơn là anh Lê Khắc V hiện nay đang có địa chỉ thường trú trên địa bàn thành phố Pleiku nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử.

[2] Xét nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 và anh Lê Khắc V, sinh năm 1971, đã tự nguyện chung sống với nhau và đã có con chung vào ngày 28 tháng 6 năm 2000. Đến ngày 16-01-2006 thì chị M và anh V mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại thời chị M và anh V chung sống với nhau cũng như tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị M và anh V đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh V là hợp pháp.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Khắc V trình bày về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị M không có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh V vẫn thể hiện được tình cảm và yêu thương chị M cùng các con.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố - nơi chị M và anh V sinh sống thì thấy rằng trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của anh V và chị M có lời qua tiếng lại nhưng

không đến mức độ ảnh hưởng đến hàng xóm láng giềng; chính quyền địa phương và tổ dân phố chưa bao giờ phải can thiệp để hòa giải các vấn đề có liên quan đến cuộc sống gia đình anh V và chị M. Hàng ngày anh V vẫn đi làm, còn chị M thì việc làm không ổn định, chính quyền địa phương không biết hiện nay chị M làm công việc gì. Các con của anh V và chị M rất lễ phép và hiện nay vẫn đi học bình thường. Tình trạng hôn nhân của anh V và chị M không có mâu thuẫn trầm trọng.

Tuy anh V không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng lời trình bày của bị đơn là anh Lê Khắc V phù hợp với chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án là biên bản xác minh tại tổ dân phố thì thấy rằng anh V và chị M không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viện tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Khắc V không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 144, 147, 235, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều: 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;
Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M, về việc xin ly hôn anh Lê Khắc V, xin được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Khắc V tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung trưởng thành và phát triển khối tài sản chung hiện có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (bằng chữ: Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0003701 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Khắc V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- UBND phường H;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thuởng

